|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ BÁO CÁO:…………………….** | **Biểu: 032/TD** |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN**

**Quý ………năm ……….**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm** | **Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu năm** | **Dư nợ cuối kỳ** | | | | | **Số khách hàng còn dư nợ** | | |
| Tổng dư nợ | Trong đó | | | Nợ xấu | Hộ dân | Doanh nghiệp | HTX, Liên hiệp HTX |
| Ngắn hạn | Trung hạn | Dài hạn |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)***  ***Number (10,0)*** | ***(4)***  ***Number (10,0)*** | ***(5)***  ***Number (10,0)*** | ***(6)***  ***Number (10,0)*** | ***(7)***  ***Number (10,0)*** | ***(8)***  ***Number (10,0)*** | ***(9)***  ***Number (10,0)*** | ***(10)***  ***Number (10,0)*** | ***(11)***  ***Number (10,0)*** | ***(12)***  ***Number (10,0)*** |
| **1** | **Cho vay trên địa bàn tỉnh/Thành phố** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Cho vay xây dựng nông thôn mới (trên địa bàn tất cả các xã)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1. | Cho vay của các ngân hàng thương mại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2. | Cho vay của Ngân hàng Hợp tác xã |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.3. | Cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.4. | Cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.5. | Cho vay của các TCTD khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Cho vay để thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**1. Đối tượng báo cáo:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố

**2. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo:** Vụ Tín dụng các ngành kinh tế – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**3. Yêu cầu số liệu:**

- Số liệu báo cáo của các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

**4. Thời gian gửi báo cáo:** Định kỳ hàng Quý (chậm nhất ngày 15 của tháng đầu tiên của kỳ báo cáo tiếp theo).

**5. Phương thức báo cáo:** Qua hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.

**6. Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Dòng 2.4: Dư nợ cho vay nông thôn mới của Ngân hàng Phát triển tại một số Chương trình như: Chương trình cho vay kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn; cho vay từ nguồn vốn ODA; cho vay tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu…trên địa bàn tất cả các xã.’

- Dòng 3: Dư nợ cho vay để đầu tư các sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của các chủ thể có tên trong danh sách đăng ký tham gia thực hiện Chương trình OCOP theo Kế hoạch thực hiện OCOP năm báo cáo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Cột (3), (4) chỉ tính luỹ kế từ thời điểm đầu năm báo cáo đến thời điểm báo cáo.

- Cột (5), (6), (7), (8): Thống kê số dư nợ tại cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo.

- Cột (9): Dư nợ xấu bao gồm toàn bộ dư nợ tín dụng thuộc nhóm nợ 3, nhóm nợ 4, nhóm nợ 5 được phân loại theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố theo báo cáo của TCTD trên địa bàn.

**7. Ghi chú**

- Dòng 2 = 2.1+2.2+2.3+2.4+2.5.

- Cột (5)= Cột (6) +Cột (7)+Cột (8).